

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Trình độ: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**

**Mã ngành: 7220201**

**THANH HÓA, NĂM 2023**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH ĐẠI HỌC NGÔN NGỮ ANH**

*(Ban hành theo QĐ số 2588/QĐ-ĐHHD ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)*

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh được xây dựng lần đầu năm 2017 với mục tiêu đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Chương trình được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực của các cơ sở đào tạo, các công ty, xí nghiệp và các tổ chức. Chương trình được xây dựng dựa trên các điều tra khảo sát về kiến thức, kỹ năng sinh viên cần đạt được để đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, góp ý từ các chuyên gia, giảng viên, và sinh viên. Chương trình xây dựng có sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường trong nước (Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia).

Chương trình đào tạo hiện hành bao gồm 128 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung 42 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 86 tín chỉ (kiến thức cơ sở ngành 5 tín chỉ, kiến thức ngành 52 tín chỉ, kiến thức bổ trợ 18 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp 11 tín chỉ). Tổng số học phần bắt buộc 37 (97 tín chỉ) và 9 học phần thay thế/tự chọn (31 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 5 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 4: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 7 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 6: gồm 7 học phần, 19 tín chỉ; kỳ 7: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; và kỳ 8: 3 học phần, 11 tín chỉ). Tổng số giờ lý thuyết: 1069, giờ bài tập và thảo luận: 898, giờ thực hành: 504, giờ thực tập và khoá luận tốt nghiệp 330 giờ.

Ngoài các học phần đại cương và cơ sở, các học phần kiến thức chuyên ngành được giảng dạy bởi 22 giảng viên có trình độ cao (4 TS, 2 NCS, và 16 Th.S), trong đó có 10 người được đào tạo ở nước ngoài. Hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ dạy học được Nhà trường trang bị đồng bộ, đáp ứng tốt công tác giảng dạy.... Thư viện và phòng đọc có tương đối đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

## 2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	English Language
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7220201
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa Ngoại ngữ
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (128 tín chỉ);</li><li>- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (tiếng Anh bậc 5/6 và tiếng Pháp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);</li><li>- Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất.</li></ul>
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các NXB, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí,...</li><li>- Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý, v.v., trong các công ty có sử dụng tiếng Anh;</li><li>- Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;</li><li>- Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.</li></ul>
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh, đủ để có thể học tập tiếp trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	<ul style="list-style-type: none"><li>- CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh – ĐH Sư phạm Hà nội</li><li>- CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh – ĐH Hà Nội</li></ul>

### **3. Mục tiêu đào tạo của chương trình**

#### **3.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo ra cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có phẩm chất đạo đức tốt và có kiến thức chuyên sâu về Ngôn ngữ tiếng Anh, hiểu biết về văn hoá và con người của nước nói tiếng Anh; sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, dịch thuật và các lĩnh vực chuyên môn khác có sử dụng tiếng Anh; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng để phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và những thay đổi của thời đại khoa học công nghệ và toàn cầu hoá.

#### **3.2. Mục tiêu cụ thể:**

**PO1:** Có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

**PO2:** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh.

**PO3:** Sử dụng tiếng Anh đạt bậc 5 và một ngoại ngữ 2 đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ (KNLNN) 6 bậc dùng cho Việt Nam;

**PO4:** Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, văn hoá, con người và đất nước nói tiếng Anh; kiến thức chuyên sâu về biên phiên dịch; Từ đó, vận dụng được vào trong giao tiếp, dịch thuật và các hoạt động chuyên môn khác;

**PO5:** Thể hiện phẩm chất cá nhân, đạo đức, phong cách chuyên nghiệp của một biên phiên dịch viên; xây dựng mối quan hệ, hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và đối tác;

**PO6:** Hình và phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### **4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

#### **4.1.1. Kiến thức:**

**PLO1:** Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

**PLO2:** Hệ thống được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp... Thiết kế được đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên môn;

**PLO3:** Hệ thống được kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng), văn học, văn hoá Anh - Mỹ, giao tiếp liên văn hoá;

**PLO4:** Vận dụng chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dịch thuật; quan điểm, nguyên tắc và phương pháp dịch thuật;

#### 4.1.2. Kỹ năng

**PLO5:** Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh trong học tập và các hoạt động chuyên môn được đào tạo; đạt bậc 5 theo Khung năng lực Ngoại ngữ (KNLNN) 6 bậc dùng cho Việt Nam; Giao tiếp cơ bản bằng một ngoại ngữ 2 ở bậc 3 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;

**PLO6:** Vận dụng được các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa), và văn hoá xã hội của các nước nói tiếng Anh trong thực tiễn giao tiếp và chuyên môn, tránh được các xung đột về văn hoá;

**PLO7:** Áp dụng được lý thuyết và phương pháp về dịch thuật nhằm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Biên-phiên dịch.

#### 4.1.3. Mức tự chủ và trách:

**PLO8:** Tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp để biên và phiên dịch các loại diễn ngôn Anh – Việt, Việt – Anh và thực hiện các công việc chuyên môn khác;

**PLO9:** Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

### 5. Chuẩn đầu vào của chương trình

Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo ĐHSP tiếng Anh được quy định theo thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Trường Đại học Hồng Đức.

### 6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra (PLO) của CTĐT có liên quan với mục tiêu (PO) của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự và trách nhiệm:

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của CTĐT					
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	√					
PLO2		√				
PLO3			√			
PLO4			√			
PLO5				√		
PLO6			√			
PLO7			√			
PLO8					√	
PLO9						√

## **7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá**

### **7.1. Phương pháp dạy - học**

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học tiếng Anh vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy người học. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

### **7.2. Các phương thức đánh giá**

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm.

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương, 42 tín chỉ	Bắt buộc	32
		Tự chọn	10
2	Kiến thức cơ sở ngành, 5 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn	0
3	Kiến thức ngành 52 tín chỉ	Bắt buộc	52
		Tự chọn	0
4	Kiến thức bổ trợ ngành, 18 tín chỉ	Bắt buộc	8
		Tự chọn	10
5	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp, 11 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	11
Tổng số: 128 TC			

## 2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
<b>A. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>				
<b>I. Lý luận chính trị</b>				
1	196055	Triết học Mác- Lênin (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.</li> <li>- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.</li> <li>- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b> [1]. Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo, (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Nxb. Chính trị quốc gia.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b> [1]. Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo,(2013), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, Nxb. Chính trị quốc gia; [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, 2000, 2001, 2002</p>



2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần</i> gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.</p> <p>- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.</p> <p>- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Bộ GD&amp;ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2004.</p> <p>2. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,</p>
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần</i> gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Bộ giáo dục &amp; Đào tạo, (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (2005), Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo, NXB CTQG.</p>

			<p>giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin</li> <li>- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</li> <li>- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</li> </ul>	<p>[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,</p>
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 - 1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.</li> <li>2. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,</li> </ol>

			<p>đổi mới (từ năm 1975 đến nay)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử</li> <li>- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</li> <li>- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.</li> </ul>	
5	197035	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh</li> <li>- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. <i>Hồ Chí Minh (2011), toàn tập</i>. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)</p> <p>[2]. Bộ giáo dục và đào tạo (2009), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.</p>

			<p>Cộng sản Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.</li> <li>- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</li> </ul>	
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;</li> <li>- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</li> <li>- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.</li> <li>- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b> [1]. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), <i>Pháp luật đại cương Lao động</i></p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Công an nhân dân.</li> <li>2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i>, Nxb. Công an nhân dân.</li> </ol>
<b>II. Khoa học QL, KHXH &amp; nhân văn</b>				

7	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.</li> <li>- CLO2: Nhận biết được những biểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.</li> <li>- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Trần Quốc Vượng (2006), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục</p> <p>[2]. Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb.Văn học</p>
8	154888	Khởi nghiệp	<p><i>Nội dung học phần gồm:</i> Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) <i>Khởi nghiệp đổi</i></p>

		đổi mới sáng tạo	<p>mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.</p> <p>Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.</li> <li>- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.</li> <li>- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.</li> <li>- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.</li> <li>- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.</li> </ul>	<p><i>mới sáng tạo – tư duy và công cụ</i>, NXB Phụ nữ.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), <i>Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết &amp; Thực tiễn</i>. NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Ngọc Huyền (2017) – <i>Giáo trình Khởi nghiệp</i>; NXB Đại học kinh tế quốc dân</p>
9	118001	Môi trường và con người	<p><i>Nội dung học phần:</i> Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Con người và môi trường</i>, Nxb GD</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011),</p>

			<p>môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</li> <li>- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.</li> <li>- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn</li> <li>- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.</li> <li>- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;</li> </ul>	<p>Giáo trình Môi trường và con người, NXB GD.</p> <p>2. <i>Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).</i></p>
10	131076	Ngữ pháp	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Ngữ pháp nhằm cung cấp cho SV những hiểu biết cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại (traditional and modern grammar). Học phần đưa ra một số bài học về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản và thiết yếu, mang đậm tính thực hành ngữ</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Mark Foley and Danie Hall , My GrammarLab – Intermediate B1/2. Pearson Education Limited.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. L.G Alexander (1998), <i>Longman English Grammar</i>,</p>

			<p>pháp như: thì, thể, thức, các cấu trúc câu trong tiếng Anh.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Người học có thể hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại.</li> <li>- CLO2: Người học có thể giải thích, hệ thống hóa kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh, có khả năng tự nghiên cứu thêm những tài liệu về ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ cơ bản.</li> <li>- CLO3: Người học có thể vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp vào học những môn khác; có thể nói, viết câu chính xác hơn, hạn chế lỗi ngữ pháp; có khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức độ tự tin với độ chính xác cao về ngữ pháp tiếng Anh.</li> <li>- CLO4: Người học có thái độ nghiêm túc trong tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.</li> </ul>	<p>Longman Limited</p> <p>2. Thompson, A., Martinetz, A , <i>A Practical English Grammar</i>, Oxford University Press.</p>
11	132055	Ngữ âm – Âm vị học	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính, v.v.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản, hệ thống về các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm</li> <li>CLO2: Từng bước tạo môi trường cho sinh viên vận dụng những</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Peter Roach. (2009). <i>English Phonetics and Phonology</i>. NXB Cambridge: CUP.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Nguyen Quoc Hung. (2009). <i>Luyện phát âm tiếng Anh Mỹ</i>. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh</p> <p>[2]. Anne Baker. (2000) <i>Sheep or Ship</i>. Cambridge: CUP</p>



			<p>hiểu biết cơ bản về âm vị, cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm và các yếu tố siêu đoạn tính để phát triển khả năng phát âm tiếng Anh của của mình</p> <p>CLO3: Có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh,</p> <p>CLO4: Nghiên cứu được các vấn đề liên quan đến Ngữ âm - âm vị học</p>	
<b>III. Khoa học tự nhiên – công nghệ</b>				
12	172555	Công nghệ số	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;</li> <li>- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;</li> <li>- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;</li> <li>- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;</li> <li>- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), <i>Tin học căn bản</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), <i>Cẩm nang chuyển đổi số</i>, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.</p>
13	132080	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	<p><i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức cơ bản về khái niệm về nghiên cứu trong hoạt động dạy học, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trên thế giới, đặc biệt trong ngôn ngữ học ứng dụng như: phương pháp điều tra, phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả v.v.</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Eli Hinkel. (2011). <i>Handbook of research in second language Teaching and learning</i>. Routledge.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. David Nunan. (1992). <i>Research methods in language learning</i>. Cambridge University Press.</p> <p>2. Vũ Cao Đàm. (2018). <i>Giáo trình phương pháp luận</i></p>

		tiếng Anh	<p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng anh và nghiên cứu ngôn ngữ.</li> <li>- CLO2: Có thể viết đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.</li> <li>- CLO3: Có thể tiến hành một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.</li> <li>- CLO4: Có thể phân tích và đánh giá các báo cáo khoa học.</li> <li>- CLO5: Tuân thủ nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học.</li> </ul>	nghiên cứu khoa học. NXB Giáo dục Việt Nam.
<b>II. Ngoại ngữ II</b>				
14a	133069	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp nội dung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng nghe nói đọc viết Tiếng Pháp. Hiểu biết về văn hóa văn minh Pháp, đất nước con người danh lam thắng cảnh và thành phố nổi tiếng của nước Pháp. Sử dụng tiếng Pháp như ngoại ngữ hai sau tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: Hiểu, phân biệt, phân tích, áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp tiếng Pháp: mạo từ bộ phận, đặt câu hỏi với đảo động từ, động từ phản thân, mệnh lệnh thức, các nhóm từ diễn đạt số lượng, giới từ và trạng từ chỉ nơi chốn...</p> <p>Nhớ được kiến thức từ vựng thông dụng trong tiếng Pháp : món ăn, bữa ăn, ngày lễ hội, hoạt động hàng ngày, gia đình và các mối quan hệ, màu sắc, miêu tả ngoại hình, tính cách</p> <p>Hiểu kiến thức cơ bản văn hóa, xã hội của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ. So sánh với văn hóa Việt Nam và phương Đông.</p>	<p>- <b>Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances A1</i> » - <i>Méthode de français</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Ludivine Glaud et Muriel Lannier,( 2015 ) <i>Grammaire essentielle du français A1</i> ,NXB Didier,</p> <p>[2]. Trịnh Cẩm Xuân, Lê Thị Ngọc Anh, &amp; Trương Thị Minh. (2023). <i>Entrainement du Français thématique</i>. NXB Thanh Hoá.</p>

			<p>Nhớ, vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, phát âm, đánh vần, nói, luyện các âm trong tiếng Pháp.</p> <p>Viết câu về các bữa ăn và món ăn yêu thích, nơi ở, gia đình, giới thiệu một thành viên trong gia đình, bạn bè, người nổi tiếng, kể về kỳ nghỉ vừa qua</p> <p>Hiểu và lựa chọn đáp án đúng, điền từ vào chỗ trống sau khi đọc một đoạn văn bằng tiếng Pháp về các chủ đề đã học</p> <p>Hiểu ý chính một đoạn văn về các chủ đề : lễ hội, gia đình và bạn bè, thói quen của người Pháp, thư về nơi ở mới, tin nhắn thông báo, thư mời, giai đoạn và những kỷ niệm trong cuộc đời, phong cách ăn mặc, khí hậu ở nước Pháp,</p> <p>CLO2: Nghe và lựa chọn đáp án đúng, điền từ vào chỗ trống; nghe xác định thông tin đúng sai</p> <p>CLO3: Nói tiếng Pháp trong các tình huống: về bản thân, miêu tả phòng ở, tổ chức tiệc, ẩm thực, đặt phòng khách sạn, sức khỏe, miêu tả người, kể về kỳ nghỉ...</p> <p>XCLO4: ây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học</p> <p>Hình thành, tổ chức làm việc nhóm</p> <p>Triển khai hoạt động tương tác nhóm hiệu quả</p> <p>Làm việc hiệu quả giữa các nhóm</p> <p>CLO5: Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp</p> <p>Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa</p> <p>Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc</p> <p>Cải thiện năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp</p>	
15a	133005	Ngoại ngữ II –	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances</i></p>

	<p>2: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)</p>	<p>xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CL01: Hiểu, phân biệt, phân tích, áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp tiếng Pháp; Nhớ được kiến thức từ vựng thông dụng trong tiếng Pháp; Hiểu kiến thức cơ bản văn hóa, xã hội của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ. So sánh với văn hóa Việt Nam và phương Đông.; Nhớ, vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, phát âm, đánh vần, nói, luyện các âm trong tiếng Pháp.</li> </ul> <p>Kỹ năng thực hành: Viết đoạn văn về các bữa ăn và món ăn yêu thích, nơi ở, thư đi du lịch, thư mời, thư cảm ơn... Hiểu ý chính một đoạn văn về các chủ đề: lễ hội, gia đình và bạn bè, thói quen của người Pháp, thư về nơi ở mới; Hiểu ý chính một đoạn văn về các chủ đề : lễ hội, gia đình và bạn bè, thói quen của người Pháp, thư về nơi ở mới, tin nhắn thông báo, thư mời, giai đoạn và những kỷ niệm trong cuộc đời, phong cách ăn mặc, khí hậu ở nước Pháp,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CL02: Nghe và lựa chọn đáp án đúng, điền từ vào chỗ trống; nghe xác định thông tin đúng sai</li> <li>- CL03: Nói tiếng Pháp trong các tình huống: về bản thân, miêu tả phòng ở, tổ chức tiệc, ẩm thực, đặt phòng khách sạn, sức khỏe, miêu tả người, kể về kỳ nghỉ, nói về hoạt động trong ngày, các thành viên và mối quan hệ trong gia đình</li> </ul>	<p><i>A1 » - Méthode de français</i>, NXB CLE International/VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo</b></p> <p>[1]. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, <i>Grammaire essentielle du français A1 A2</i>, Didier, 2015</p> <p>[2]. Trịnh Cẩm Xuân, Lê Thị Ngọc Anh, &amp; Trương Thị Minh. (2023). <i>Entrainement du Français thématique</i>. NXB Thanh Hoá.</p>
--	--------------------------------------	--	--

			<p>- CL04: Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học; Hình thành, tổ chức làm việc nhóm; Triển khai hoạt động tương tác nhóm hiệu quả; Làm việc hiệu quả giữa các nhóm</p> <p>- CL05: Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp; Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa; Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc; Cải thiện năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp</p>	
16a	133055	<p>Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Mục tiêu học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ ở trình độ trung cấp về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Học phần tiếp tục củng cố và tăng cường những kiến thức chuyên sâu hơn về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có thể nói, viết những câu phức, hai mệnh đề bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại hoặc phóng sự bằng tiếng Pháp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CL01: Ngoài việc biết phát âm chuẩn các từ, các cụm từ trong tiếng Pháp, người học phải sử dụng được các hiện tượng ngữ âm như nói, luyện, lên giọng, trọng âm trong từ, cụm từ và các loại</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances A1</i> » - <i>Méthode de français</i>, NXB CLE International/VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Ludivine Glaud et Muriel Lannier,( 2015 ) <i>Grammaire essentielle du français A1</i> ,nxb Didier,</p> <p>[2]. Trịnh Cẩm Xuân, Lê Thị Ngọc Anh, &amp; Trương Thị Minh. (2023). <i>Entrainement du Français thématique</i>. NXB Thanh Hoá.</p>

câu trong Tiếng Pháp; Người học hiểu, nhớ, vận dụng cách dùng các thì trong tiếng Pháp. Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu phức tạp hai mệnh đề với các đại từ liên hệ trong tiếng Pháp để sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp; Hiểu, nhớ và sử dụng có hiệu quả hệ thống từ vựng các chủ đề thường ngày như Du lịch, mua sắm, thời trang, thời tiết và các mẫu thư thường gặp trong hành chính. Có đủ vốn từ để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như âm nhạc, điện ảnh; Người học tiếp tục nâng cao hiểu biết về cuộc sống văn hóa Pháp và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt về các chủ đề từ vựng

*Kỹ năng thực hành:* Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh. Có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc, v.v...; Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình; Có thể xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận có sử dụng các tín hiệu ngôn ngữ rõ ràng; Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc

- CL02: Có thể nghe hiểu được những thông tin hiện thực đơn

			<p>giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày; Có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến; Có thể hiểu được ý chính của các hội thoại mở rộng nếu lời nói được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CL03: Nói tiếng Pháp trong các tình huống: về bản thân, miêu tả phòng ở, tổ chức tiệc, ẩm thực, đặt phòng khách sạn, sức khỏe, miêu tả người, kể về kỳ nghỉ, nói về hoạt động trong ngày, các thành viên và mối quan hệ trong gia đình</li> <li>- CL04: Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học; Hình thành, tổ chức làm việc nhóm; Triển khai hoạt động tương tác nhóm hiệu quả; Làm việc hiệu quả giữa các nhóm</li> <li>- CL05: Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp; Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa; Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc; Cải thiện năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp</li> </ul>	
14b	133009	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc (4 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về luyện tập từ ngữ, cách chào hỏi, xưng hô, miêu tả về gia đình, bạn bè. Kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Trung Quốc, học phần tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b>          [1] Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch) - <i>Giáo trình Hán ngữ</i>, tập 1 quyển thượng, NXB ĐH sư phạm, năm 2002.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Thị Thanh Liêm - <b>Giáo trình Hán ngữ</b> tập 1 quyển hạ, NXB ĐH Sư phạm – Năm 2002.</li> <li>2. Trương Văn Giới - <b>301 câu đàm thoại tiếng Hoa</b>,</li> </ol>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Hiểu, phân biệt và áp dụng được kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc;</li> <li>- CLO2: Hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Trung Quốc;</li> <li>- CLO3: Giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng Tiếng Trung Quốc với tốc độ chậm một cách chậm rãi;</li> <li>- CLO4: Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.</li> </ul>	NXB Khoa học xã hội.
15b	133011	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan đến chủ đề về thể thao, du lịch, danh lam thắng cảnh v.v...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản về các chủ đề thường gặp hàng ngày;</li> <li>- CLO2: có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực.</li> <li>- CLO3: Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.</li> </ul>	<p><b>* <i>Giáo trình chính</i></b></p> <p>1. Trần Thị Thanh Liêm, <i>Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ</i>, NXB ĐH Sư phạm, năm 2012.</p> <p><b>* <i>Tài liệu tham khảo</i></b></p> <p>1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), <i>Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002</p>
14b	133010	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm các nội dung về giao tiếp hàng ngày, các bài đọc hiểu về cuộc sống, con người Trung</p>	<p><b>* <i>Giáo trình chính</i></b></p> <p>1. Trần Thị Thanh Liêm, <i>Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ</i>, NXB ĐHSP, năm 2012.</p> <p><b>* <i>Tài liệu tham khảo</i></b></p>



	Quốc (3 tín chỉ)	<p>Quốc. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Ngữ âm, Từ vựng, Bài đọc hiểu, Ngữ pháp, luyện tập.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường;</li> <li>- CLO2: có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Thị Thanh Liêm, <i>Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002</li> <li>2. Trương Văn Giới, <i>301 câu đàm thoại tiếng Hoa</i>, NXB Khoa học xã hội</li> </ol>
--	---------------------	--	---

#### IV. Giáo dục thể chất

191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>. Nxb TĐTT</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, Nxb TĐTT, Hà Nội.</p> <p>[2]. Đặng Ngọc Quang (2003), <i>Giáo trình Đá cầu</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>[3]. Tổng cục thể dục thể thao (2016), <i>Luật thi đấu đá cầu</i>, NXB TĐTT</p>
--------	------------------------------------	--	---

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu
- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

Giáo dục thể chất 2

chọn 1 trong 5 học phần

a

191031

Bóng

- Nội dung học phần: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa

- **Giáo trình chính:**

	chuyên (2 tín chỉ)	<p>tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.</li> <li>- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.</li> <li>- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.</li> <li>- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</li> <li>- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.</li> </ul>	<p>[1]. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng cục TDTT (2007), <i>Luật bóng chuyền – luật Bóng chuyền bãi biển</i>, NXB, TDTT.</li> <li>2. Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</li> </ol>
--	-----------------------	--	---

			- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.	
b	193032	Thể dục Aerobic	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện;</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.</li> <li>- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.</li> <li>- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.</li> <li>- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</li> <li>- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Đinh Khánh Thu (2014) <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>; TDTT HN.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) <i>Thể dục</i>; TDTT HN.</p> <p>[2]. Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thể dục tập I, II</i> NXB TDTT</p>

			<p>động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.</p> <p>- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất;</p>	
c	191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyên bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.</p> <p>- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyên bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.</p> <p>- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. PGS.TS Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Tổng cục TDTT, (2011) <i>Luật thi đấu Bóng đá 5 người</i>, NXB TDTT.</p> <p>[2]. TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá</i>, Nxb ĐHSP, 2007</p>

			<p>- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</p> <p>- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.</p> <p>- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
d	191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.</p> <p>[2]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.</li> <li>- CLO 3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.</li> <li>- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</li> <li>- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.</li> <li>- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</li> </ul>	
e	191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền);</p>	<p><b>- Giáo trình chính</b> [1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “<i>Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1, NXB TDTT.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b> [1]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo</i></p>

Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

*Năng lực đạt được:*

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa,

(VVN-VVD)

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TDTT, HN.



tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất;

**V. Giáo dục quốc phòng**

Học phần 1

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

- *Nội dung học phần:* Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- *Năng lực đạt được:*

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu

**- Giáo trình chính:**

[1]. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

**- Tài liệu tham khảo:**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[2]. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

			trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.	
	Học phần 2	Công tác quốc phòng và an ninh (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.</p> <p>- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</p> <p>- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những</p>	<p><b>- <i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>[1]. Đào Huy Hiệp, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, Nxb. Giáo dục.</p> <p>[2]. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012, <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, Nxb Giáo dục. - <i>an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p><b>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017, <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>, 2017.</p> <p>[2]. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014, <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục.</p>

			biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.	
Học phần 3	Quân sự chung (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.</li> <li>- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.</li> <li>- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</li> </ul>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Đức Đăng, 2012. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2</i>. NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1]. BGD&amp;ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung</i>, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).</p> <p>[2]. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p> <p>[3]. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p>	
Học phần 4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>[1]. Nguyễn Đức Đăng, 2012, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p><b>- Tài liệu tham khảo:</b></p>	

		thuật (4 tín chỉ)	<i>Năng lực đạt được:</i> - CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. - CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiêu liên AK. - CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	[1]. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, <i>Giáo án huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1</i> , NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.
--	--	----------------------	--	---

## B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

### I. Kiến thức cơ sở

17	132085	Ngữ pháp thực hành (3 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần:</i> Học phần Ngữ pháp Thực hành nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản đến nâng cao theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại. Học phần đưa ra hệ thống bài học về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản và nâng cao, mang đậm tính thực hành ngữ pháp, lồng ghép ứng dụng ngữ pháp trong các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh và giao tiếp hàng ngày. <i>Năng lực đạt được:</i> - CLO1: Hiểu được và ghi nhớ các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản đến nâng cao theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại. - CLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng	<i>* Giáo trình chính:</i> 1. Diana Hopkins, Pauline Cullen (2007), Cambridge Grammar for IELTS with answers. Cambridge University Press <i>* Tài liệu tham khảo:</i> 1. L.G Alexander (1998). <i>Longman English Grammar Practice</i> . Longman Limited 2. Thompson, A., Martinetz, A. . <i>A Practical English Grammar</i> . Oxford University Press.
----	--------	-----------------------------------	---	---

			<p>Anh trong giao tiếp và các kỹ năng tiếng Anh khác như nghe, nói, đọc, viết; vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp vào học những môn khác; có khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức độ tự tin với độ chính xác cao về ngữ pháp tiếng Anh.</p> <p>- CLO3: Ứng dụng công nghệ hiện đại trong dạy học và khai thác thông tin, tài liệu phục vụ cho bài giảng, phát triển các kỹ năng ghi nhớ, thuyết trình vấn đề về ngữ pháp tiếng Anh trước lớp bằng tiếng Anh.</p> <p>- CLO4: Có thái độ nghiêm túc trong tự học, tự nghiên cứu, trao đổi thảo luận các bài học trước khi lên lớp; có khả năng phản biện, tích cực tham gia bài học trên lớp bằng cách nêu ý kiến và đặt câu hỏi.</p>	
18	132022	Lý thuyết dịch (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực dịch thuật, phân loại các hình thức biên – phiên dịch, các phương pháp và kỹ thuật dịch, sự khác biệt giữa dịch thuật Anh - Việt và Việt – Anh, phương pháp đánh giá chất lượng bản dịch.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> - CLO1: Áp dụng được lý thuyết và phương pháp về dịch thuật nhằm thực hiện hiệu quả các các văn bản ngắn theo chủ đề.</p> <p>- CLO2: Nắm được các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp để biên dịch các loại diễn ngôn Anh – Việt, Việt – Anh và thực hiện các công việc chuyên môn khác.</p> <p>- CLO3: Tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Newmark, P. (1998). <i>A textbook of translation</i>. NXB Pearson</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Nguyễn Thị Kiều Thu, Tập bài giảng “<i>Lý Thuyết dịch</i>”.</p>

hội nhập.

## II. Kiến thức ngành

19

131009

Kỹ năng  
Nghe Nói  
1 (3 tín  
chỉ)

*Nội dung học phần:* Học phần Nghe Nói 1 cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp (A2) liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: giới thiệu bản thân, gia đình, bạn bè, ăn uống, thể thao, du lịch, mua sắm, công việc, đưa ra lời đề nghị, thuyết phục, mời mọc, từ chối, nhận lời, truyền đạt quan điểm, nhận định của mình. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 về kỹ năng nghe, nói tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

*Năng lực đạt được:*

- CLO1: Nhớ, hiểu, và vận dụng cách dùng các từ vựng, cách diễn đạt cơ bản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, các cấu trúc ngữ pháp đơn ở mức độ A2
- CLO2: Nhớ và hiểu các chiến thuật nghe hiểu (cách phát âm, nghe từ khoá, nghe hiểu nội dung chính, chỉ dẫn) các bài hội thoại, bài nói được diễn đạt chậm và rõ ràng.
- CLO3: Nhớ và hiểu cách xây dựng các cuộc hội thoại trong các tình huống giao tiếp hằng ngày, có thể mô tả, trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc, hỏi đáp các thông tin đơn giản về các chủ đề thông dụng.
- CLO4: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghe nói.
- CLO5: Chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh

**\* Giáo trình chính:**

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers A2*. Richmond.
2. Jack, C.Richards. (2010). *Basic Tactics for Listening 3<sup>rd</sup> Edition*. Oxford University Press.

**\* Tài liệu tham khảo**

1. *Cambridge Key English Test 6*. (2015). NXB Cambridge University Press.
2. *Cambridge Key English Test 7*. (2015). NXB Cambridge University Press.

			giá. Bên cạnh đó, người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần.	
20	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Đọc viết 1 cung cấp một hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học như: ẩm thực, sức khỏe, thời trang, văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại và cách viết câu có liên từ đơn giản, viết sơ yếu lý lịch, viết ghi chú, viết tin nhắn, bưu thiếp, thư thân mật và đoạn văn miêu tả đơn giản. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Nhớ và hiểu cách dùng các từ vựng ở mức độ tiền A2, các cấu trúc ngữ pháp: các loại từ và cách sử dụng, câu đơn, câu phức, câu ghép, thì và thể của động từ, các quy tắc viết hoa, viết tắt và sử dụng liên từ đơn giản; và áp dụng được các chiến thuật đọc hiểu.</li> <li>- CLO2: Nhớ, hiểu hoặc áp dụng cách viết sơ yếu lý lịch; cách viết ghi chú, tin nhắn, bưu thiếp; cách viết blog hoặc nhật ký, ghi nhớ; cách viết thư thân mật; cách viết đoạn văn miêu tả.</li> <li>- CLO3: Vận dụng vốn từ vựng, kiến thức về ngữ pháp đã nhớ và hiểu, các chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu tường tận các loại văn bản ngắn, đơn giản thường gặp trong đời sống, trong môi trường giao tiếp, công việc hay học thuật ở mức độ A2.</li> <li>- CLO4: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết; vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi đọc hiểu, viết thư hoặc viết đoạn văn, vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt</li> </ul>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers A2</i>. Richmond.</li> <li>2. Neil J. Anderson (2001). <i>Active Skills for Reading/INTRO</i>. Heine and Heine.</li> <li>3. Alice Savage &amp; Patricia Mayer. (2007). <i>Effective Academic Writing 1</i>. CUP.</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Cambridge Key English Test 6</i>. (2015). NXB Cambridge University Press.</li> <li>2. <i>Cambridge Key English Test 7</i>. (2015). NXB Cambridge University Press.</li> </ol>

			<p>động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ học tập, có kỹ năng sắp xếp, quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân và của nhóm.</p> <p>- CLO5: Chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần.</p>	
21	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Kỹ năng Nghe nói 2 cung cấp từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng giao tiếp ở mức độ trung cấp (B1) liên quan đến 12 chủ đề bài học gồm: Sự kiện trong quá khứ; đời sống sinh viên; các vấn đề toàn cầu; các mục tiêu trong cuộc sống; sức khoẻ và sở thích; mô tả người và vật; điện ảnh; lễ kỷ niệm; đời sống tuổi vị thành niên; kỳ nghỉ; dịch vụ; giải quyết vấn đề. Học phần cung cấp các chiến lược, kỹ năng nghe hiểu và phát triển khả năng nói dựa trên chủ đề của bài học. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Trình bày cách dùng các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách diễn đạt về các chủ đề nội dung bài học</p> <p>- CLO2: Vận dụng được các chiến thuật và kỹ năng nghe hiểu (như nghe thông tin chi tiết, nghe ý chính,...) vào làm các dạng bài tập.</p> <p>- CLO3: Vận dụng từ vựng, các cách diễn đạt, cấu trúc đã học để</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <p>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1. Richmond. [1]</p> <p>2. Jack, C. Richards. (2010). Developing Tactics for Listening 3rd Edition. Culture-Information Press [2]</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008). (PET). Cambridge University Press.</p> <p>2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). (PET). Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). (PET). Cambridge University Press</p>



			<p>mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm; giải quyết những tình huống phát sinh; và duy trì các cuộc hội thoại trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.</p> <p>- CLO4: Trình bày những bài thuyết trình đơn giản, và tranh luận cho một chủ đề cụ thể bằng việc đưa ra các lập luận và dẫn chứng chứng minh.</p> <p>- CLO5: Lập kế hoạch học tập và chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động của học phần.</p>	
22	131034	<p>Kỹ năng Đọc Viết 2 (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Kỹ năng Đọc viết 2 cung cấp hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc. Người học được trang bị các kỹ năng đọc và thực hành các kỹ năng này trong quá trình đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến chủ đề vừa học. Bên cạnh đó, người học được cung cấp từ vựng, cấu trúc câu và cách viết đoạn văn về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Sử dụng vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp đã nhớ và hiểu, các chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình ở mức độ B1</p> <p>- CLO2: Thực hành viết câu chuyện (viết story), viết bài báo (viết</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle (2016). Achievers B1+ NXB Richmond</li> <li>2. Neil J.Anderson (2013). Active Skills for Reading 1. Third Edition. NXB Heine Cengage Learning</li> <li>3. Alice Savage &amp; MasoudShafiei (2008). Effective Academic Writing 1. NXB CUP</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008). (PET). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). (PET). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). (PET). Cambridge University Press.</li> </ol>

			<p>article), cách viết trình bày ý kiến về sự vật, sự việc quen thuộc xảy ra hàng ngày (viết review)</p> <p>- CLO3: Phân tích và đánh giá nội dung nhiều loại văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình ở mức độ B1.</p> <p>- CLO4: Xác định văn phong, cấu trúc câu và đoạn để viết đoạn văn ví dụ (example paragraph), đoạn văn mô tả quá trình (process paragraph), đoạn văn quan điểm (opinion paragraph), đoạn văn tường thuật (narrative paragraph)</p> <p>- CLO5: Thực hiện các quy định của học phần; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập.</p>	
23	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm 12 nội dung chính cung cấp cho người học hệ thống các từ vựng, cấu trúc câu, các bài nghe và tình huống giao tiếp luyện kỹ năng nói. Các nội dung này lần lượt về 12 chủ đề như sau: Những thay đổi trong cộng đồng; những quyết định khó khăn; tin tức; kế hoạch cho kỳ nghỉ; cuộc sống sinh viên; văn hoá; những câu chuyện kì lạ; chất lượng kinh doanh; sở thích và thói quen ăn uống; trang phục và lễ hội; sự phát triển của thành phố và các vấn đề toàn cầu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Nhận biết và phân biệt được cách dùng các từ vựng, các cấu trúc câu phức và liên từ trong tiếng Anh ở mức độ tiền B2, xác định được các chiến thuật nghe hiểu cơ bản (nghe thông tin quan trọng, nghe ý chính, nghe chi tiết) để nghe hiểu nhiều dạng bài nói dài và tương đối phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ tiền B2</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1 +.Richmond.</p> <p><b>8.2. Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Jack, C.Richards. (2011). Expanding Tactics for Listening- third edition. NXB Oxford University Press</p> <p>2. Cambridge Preliminary English Test 8 (2014). (PET). NXB Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge First Certificate in English 4 (1998). NXB . Cambridge University Press.</p>

			<p>- CLO2: Xác định và nắm được các ý chính trong các bài phát biểu có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng tương đối phức tạp (changes, city problems, global issues), các thông báo về một đề tài cụ thể hay trừu tượng được diễn đạt bằng phương ngữ chuẩn với tốc độ nói bình thường (vacation plans, touring guides), các cấu trúc, lập luận, và kết nối ý để giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề quen thuộc (personal information, vacation, clothes...) và không quen thuộc (arts, cultures, unusual stories...)</p> <p>- CLO3: Xây dựng và duy trì được các bài hội thoại từ cơ bản đến mở rộng trong các hoàn cảnh khác nhau, thực hiện được những bài thuyết trình đã chuẩn bị, nắm được các cách diễn đạt nêu rõ quan điểm và nhấn mạnh các điểm chính và chi tiết minh họa liên quan, cách trình bày ý tưởng, mở rộng và phát triển các chủ đề khi phỏng vấn và biết cách thực hiện một cuộc phỏng vấn trôi chảy, lưu loát</p> <p>- CLO4: Đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài hội thoại, phỏng vấn, thảo luận hay thuyết trình. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ học tập và xây dựng được kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghe-nói tiếng Anh</p> <p>- CLO5: Chấp hành tốt các quy định của học phần như tham gia lớp học tối thiểu 80% số giờ quy định, làm đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá...</p>	
24	131037	Kỹ năng	<i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm 12 nội dung chính được	* <b><i>Giáo trình chính</i></b>

	<p>Đọc Viết 3 (3 tín chỉ)</p>	<p>sắp xếp theo chủ đề từ các bài học trong giáo trình <i>Active Skills for Reading 2, Effective Academic Writing 2, Achievers B1+</i>.          Mỗi nội dung bài đọc gồm ba phần: (1) Từ vựng, cấu trúc ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc. (2) Đọc hiểu: Người học được trang bị các kỹ năng đọc gồm và thực hành các kỹ năng này trong quá trình đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. (3) Ứng dụng thông tin: Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến chủ đề vừa học. Mỗi nội dung bài dạy viết gồm ba phần: (1) Cung cấp một số từ vựng, cụm từ, các loại câu mẫu thường được dùng trong các loại bài viết và các bài viết mẫu. (2) Người học thảo luận theo nhóm, theo cặp về các bài viết mẫu, thực hành đặt câu theo các cụm từ cho sẵn trong bài mẫu, thảo luận trước khi thực hành viết các loại bài tập viết khác nhau. (3) Người học thực hành viết.  <i>Năng lực đạt được:</i>          - CLO1: Nhận biết và phân biệt được cách dùng các từ vựng ở mức độ tiền B2, cách dùng các cấu trúc ngữ pháp như lời nói gián tiếp, câu điều kiện loại 0,1,2,3, câu điều kiện kết hợp và xác định được các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận...          - CLO2: Phân biệt và nhận biết được cách viết thư than phiền (formal letter of complaint), cách viết thư xin lỗi (formal letter of apology), và cách viết thư xin học bổng, xin gia nhập 1 tổ chức,</p>	<p>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1+</i>. NXB Richmond.          2. Neil J.Anderson (2013). <i>Active Skills for Reading 2</i>, Third Edition. NXB Heine Cengage Learning.          3. Alice Savage &amp; Masoud Shafiei.(2008). <i>Effective Academic Writing2</i>, NXB Cambridge University Press.   <i>* Tài liệu tham khảo</i>          1. Cambridge Preliminary English Test 8. (2016). NXB Cambridge University Press.          2. Cambridge First Certificate in English 4 (1998). NXB Cambridge University Press.</p>
--	---------------------------------------	---	--

			<p>xin việc (formal letter of application)</p> <p>- CLO3: Phân biệt và nhận biết được văn phong, cấu trúc câu dùng trong viết bài luận ngắn ý kiến (opinion essays), dùng trong viết bài luận nêu nguyên nhân và kết quả (cause and effect essays), và dùng trong viết bài luận tường thuật (narrative essays)</p> <p>- CLO4: Đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để hoàn thành công việc. Xây dựng được kế hoạch quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân và kế hoạch tự học.</p> <p>- CLO5: Chấp hành các quy định của học phần như: tham gia lớp học tối thiểu 80% số giờ quy định, hoàn thành các bài tập lớn, dự án, portfolio, làm đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá và chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập.</p>	
25	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần: Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng nghe nói nâng cao (B2) về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Sử dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt, các cấu trúc ngữ pháp, chiến thuật nghe hiểu để nghe những bài nghe ở mức độ B2.</p> <p>- CLO2: Áp dụng được các chiến thuật nghe hiểu các bài nói tương đối dài và phức tạp về nhiều chủ đề khác nhau.</p> <p>- CLO3: Giao tiếp một cách tự nhiên, sử dụng tốt cấu trúc ngữ pháp và không gặp khó khăn khi diễn đạt phù hợp với hoàn cảnh;</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B2. NXB Richmond.</li> <li>2. Jo Tomlinson &amp; Fiona Aish. (2011). Listening for IELTS. NXB HarperCollins.</li> </ol> <p><b>* Học liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003). NXB Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge IELTS 9 (2013). NXB Cambridge University Press.</li> </ol>

			<p>trình bày quan điểm về các vấn đề xung quanh cuộc sống, biết cách giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp; Sử dụng ngôn ngữ thành thạo, chính xác và hiệu quả để nói về các chủ đề chung, các chủ đề về văn hoá, xã hội, giải trí, gia đình và học tập một cách rõ ràng mạch lạc logic.</p> <p>- CLO4: Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghe nói ở ngoài lớp học; Chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và bài tập nhóm; Sáng tạo, đánh giá và cải tiến trong quá trình học kỹ năng nghe nói.</p>	<p>3. Cambridge IELTS 10 (2015). NXB Cambridge University Press</p>
26	131039	<p>Kỹ năng Đọc Viết 4 (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các bài đọc có từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng đọc viết nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ ...; cách viết bài luận dài thể hiện ý kiến hai chiều, viết các thể loại thư, viết nhận xét...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Vận dụng vốn từ vựng đã nhớ và hiểu để đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ B2.</p> <p>- CLO2: Vận dụng chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ B2; đồng thời phân tích và đánh giá nội dung nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay</p>	<p><b>*Giáo trình chính</b></p> <p>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B2. NXB Richmond.</p> <p>2. Neil J. Anderson (2013). Active Skills for Reading 3, Third Edition. NXB Richmond</p> <p>3. Alice Savage &amp; Masoud Shafiei. (2008). Effective Academic Writing 3. NXB Cambridge University Press.</p> <p><b>*Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003). NXB Cambridge University Press.</p> <p>2. Cambridge IELTS 9 (2013). NXB Cambridge University Press</p> <p>3. Cambridge IELTS 10 (2015). NXB Cambridge</p>

			<p>học thuật ở mức độ B2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO3: Phân tích và miêu tả các dạng biểu đồ khác nhau; trình bày và giải thích quan điểm, nguyên nhân kết quả về một vấn đề trong bài viết luận có cấu trúc chặt chẽ.</li> <li>- CLO4: Đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình, vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để hoàn thành công việc và có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân và có năng lực tự học</li> <li>- CLO5: Người học chấp hành các quy định của học phần như: tham gia lớp học tối thiểu 80% số giờ quy định, hoàn thành các bài tập lớn, dự án, portfolio, làm đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá và chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập.</li> </ul>	University Press
27	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5 (3 tín chỉ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các từ vựng, cấu trúc, chiến thuật và kỹ năng nghe nói ở bậc 5 thấp (tiền C1) liên quan đến đa dạng các vấn đề khác nhau trong xã hội, đặc biệt là những vấn đề mang tính trừu tượng và thời sự đòi hỏi khả năng phân tích, lý luận tương đối cao.</li> <li>- <i>Năng lực đạt được:</i></li> <li>CLO1: hiểu và phát âm chính xác các âm đơn, trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu phù hợp mới mục đích nói.</li> <li>CLO2: hiểu và sử dụng được khá đa dạng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách diễn đạt ở bậc 5 thấp (tiền C1).</li> <li>CLO3: nghe hiểu và xác định được thông tin khái quát, thông tin chi tiết, hàm ngôn cũng như thái độ của người nói trong giao tiếp</li> </ul>	<p><b>8.1. Giáo trình chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). Achievers C1. Richmond. [1]</li> <li>2. Barry Cusach &amp; Sam McCarter (2007). Improve your IELTS Listening and Speaking Skills. Macmillan Education. (2)</li> </ol> <p><b>8.2. Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). NXB Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge english ielts 11 (2015). NXB Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge english ielts 12 . - NXB Cambridge</li> </ol>

			<p>hàng ngày cũng như trong môi trường học thuật và môi trường xã hội mang tính thời sự.</p> <p>CLO4: trình bày rõ ràng với đầy đủ minh chứng, giải thích về các vấn đề trong đời sống, xã hội ở cả môi trường giao tiếp hàng ngày, môi trường học thuật và môi trường xã hội mang tính thời sự.</p> <p>CLO5: giải quyết được các vấn đề phát sinh trong khi thảo luận, tranh biện và thuyết trình.</p> <p>CLO6: chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.</p>	University Press.
28	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, chiến thuật và các kỹ năng đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp ở bậc 5 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cũng như các bài viết miêu tả biểu đồ tròn, biểu đồ cột, bảng biểu diễn tả sự chênh lệch; các bài viết miêu tả bản đồ, các bài viết trình bày quan điểm và thảo luận về quan điểm của người khác.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: hiểu và sử dụng được khá đa dạng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách diễn đạt ở bậc 5 thấp (tiền C1).</p> <p>CLO2: đọc hiểu và xác định được thông tin khái quát, thông tin chi tiết, hàm ngôn cũng như thái độ của người nói trong các bài đọc bậc 5 thấp (tiền C1) về các chủ đề cuộc sống hàng ngày cũng các chủ đề liên quan đến học thuật và môi trường xã hội mang tính thời sự.</p> <p>CLO3: hiểu và phân tích được số liệu cũng như nội dung trong</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). Achievers C1. NXB Richmond.</li> <li>2. Els Van Geyte. (2011). Reading for IELTS. NXB HarperCollins Publisher.a</li> <li>3. Richard Brown and Lewis Richards (2012). Ielts Advantage Writing Skills. NXB Delta</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge english ielts 11 (2015). NXB Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge english ielts 12 . - NXB Cambridge University Press.</li> </ol>



			<p>biểu đồ, bản đồ để so sánh, đánh giá sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng.</p> <p>CLO4: bày tỏ được quan điểm của mình, thảo luận về quan điểm của người khác mà có giải thích, chứng minh tương đối rõ ràng, phù hợp cho lập luận của mình về các vấn đề khác nhau trong xã hội.</p> <p>CLO5: thiết kế được một sản phẩm giáo dục: báo cáo khoa học, kế hoạch/ thiết kế/ sản phẩm hoàn chỉnh liên quan đến nghệ thuật hoặc tiêu dùng hoặc giáo dục.</p> <p>CLO6: chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và hợp tác nhóm.</p>	
29	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> - Học phần bao gồm 12 nội dung chính được sắp xếp theo chủ đề từ các bài trong 2 giáo trình Improving your Skills: Listening &amp; Speaking for IELTS 6.0-7.5 [1], Speaking for IELTS [2]</p> <p>- Mỗi nội dung bài học gồm 3 phần chính:</p> <p>(1) Từ vựng và cấu trúc: Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng, các cách diễn đạt và cấu trúc liên quan đến chủ đề nội dung bài học.</p> <p>(2) Kỹ năng nghe hiểu: Người học được trang bị các kiến thức lí thuyết và chiến lược cho các kỹ năng nghe hiểu và thực hành các kỹ năng này trong quá trình nghe hiểu các dạng bài khác nhau của từng nội dung bài học.</p> <p>(3) Kỹ năng nói: Người học thực hành luyện kỹ năng nói theo cá nhân, cặp, hoặc nhóm thông qua các tình huống giao tiếp, chủ đề</p>	<p><b>* <i>Giáo trình chính</i></b></p> <p>1. Joanna Preshous. (2014). Improving your skills: Listening &amp; Speaking for IELTS 6.0-7.5 , NXB Macmillan</p> <p>2. Karen Kovacs. (2011). Speaking for IELTS. NXB HarperCollins</p> <p><b>* <i>Tài liệu tham khảo</i></b></p> <p>1. Cambridge english ielts 13 (2011). NXB Cambridge University Press.</p> <p>2. Cambridge IELTS 14 Academic with answers (2018). NXB Cambridge University Press</p> <p>3. Cambridge IELTS 15 Academic with answers (2020). NXB Cambridge University Press</p>

			<p>thảo luận và các dự án trong từng nội dung bài học.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: có thể sử dụng thông thạo vốn từ vựng rộng về các chủ đề phức tạp, các cách diễn đạt, các cấu trúc ngữ pháp, chiến thuật nghe hiểu để nghe những bài nghe ở mức độ C1.</p> <p>CLO2: áp dụng các phương thức giao tiếp, vốn từ, cách diễn đạt, để giao tiếp, trình bày, giải thích quan điểm bằng ngôn ngữ đích một cách trôi chảy, tự nhiên.</p> <p>CLO3: phát âm chuẩn, thay đổi ngữ điệu, đặt trọng âm chính xác để thể hiện sắc thái ý nghĩa tinh tế.</p> <p>CLO4: có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghe nói ở ngoài lớp học</p> <p>CLO5: chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.</p>	
30	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm 12 nội dung chính được lựa chọn trong giáo trình Improve your Skill: Reading for IELTS 6.0-7.5 của Jane Short (2014), The best preparation for IELTS writing của Young Kim (2012).</p> <p>- Mỗi nội dung bài đọc gồm ba phần: (1) Từ vựng, cấu trúc ngữ pháp: Cung cấp cho người học một hệ thống từ vựng theo chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc. (2) Đọc hiểu: Người học sử dụng các kỹ năng, chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. (3) Ứng dụng thông tin: Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <p>1. Jane Short (2014). Improve your Skill: Reading for IELTS 6.0-7.5. NXB Macmillan.</p> <p>2. Young Kim (2017). The best preparation for IELTS writing. NXB Nhan Tri Viet .</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Cambridge English IELTS 13. (2011). NXB Cambridge University Press.</p> <p>2. Cambridge IELTS 14 Academic with answers (2018). NXB Cambridge University Press.</p>

			<p>chủ đề vừa học.</p> <p>- Mỗi nội dung bài dạy viết gồm ba phần: (1) Cung cấp từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu, văn phong được dùng trong các loại bài viết. (2) Cung cấp các bài viết mẫu làm tài liệu tham khảo cho người học. (3) Người học thực hành viết lần 1, và viết lại lần 2 sau khi được chỉnh sửa, góp ý.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: vận dụng vốn từ vựng đã nhớ và hiểu để đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ C1.</p> <p>CLO2: giải thích, so sánh dữ liệu trong sơ đồ kép với bar charts, pie chart, table, line graphs</p> <p>CLO3: giải thích, miêu tả quá trình (quá trình tự nhiên/ nhân tạo)</p> <p>CLO4: dùng văn phong, cấu trúc câu dùng trong viết bài luận nêu thuận lợi và bất lợi của vấn đề</p> <p>CLO5: dùng văn phong, cấu trúc câu dùng trong viết bài luận gồm 2 câu hỏi.</p>	<p>3. Cambridge IELTS 15 Academic with answers (2020). NXB Cambridge University Press.</p>
31	132006	Biên dịch 1 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phân:</i> Học phân gồm các chiến thuật giải quyết các vấn đề thường gặp khi thực hành dịch như: vấn đề về lựa chọn từ ngữ, số, cách, thể trong tiếng Anh và tiếng Việt; các phương pháp dịch thuật; từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến nội dung dịch thuật thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Áp dụng được lý thuyết và các phương pháp dịch thuật cơ bản nhằm thực hiện hiệu quả việc dịch câu, đoạn văn và các các</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Margaret Rogers, 1999, Word, test, translation, NXB Multilingual Matters</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Lê Hoàng. <i>Luyện dịch Việt – Anh với cấu trúc tiếng Anh đặc biệt</i>. NXB Thanh Niên.</p>

			<p>văn bản ngắn theo chủ đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO2: Nắm vững và tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện công tác biên dịch và các công việc chuyên môn khác.</li> <li>- CLO3: Phân tích, đánh giá được các văn bản dịch theo tiêu chí được học.</li> <li>- CLO4: Phát triển kỹ năng tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.</li> </ul>	
32	132014	Biên dịch 2 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các kỹ năng chuyên sâu hơn về dịch thuật với những văn bản phức tạp hơn ở học phần Biên dịch 1. Các vấn đề được đề cập đến trong học phần gồm: đất nước con người, kinh tế, y tế. Học phần chú trọng đến cách diễn đạt ngôn ngữ của người học khi dịch các văn bản với phong cách, thể loại, mục đích khác nhau.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Áp dụng được lý thuyết và các phương pháp dịch thuật ở mức độ trung bình nhằm thực hiện hiệu quả việc dịch các thể loại văn bản khác nhau theo chủ đề.</li> <li>- CLO2: Nắm vững và tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện công tác biên dịch và các công việc chuyên môn khác.</li> <li>- CLO3: Phân tích, đánh giá được các văn bản dịch theo tiêu chí được học.</li> <li>- CLO4: Phát triển kỹ năng tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. 1.Gunilla Anderman, Margaret Rogers (1999), Word, Text, Translation. NXB Multilingual Matters</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Lê Hoàng. <i>Luyện dịch Anh – Việt với cấu trúc tiếng Anh đặc biệt</i>. NXB Thanh Niên.</p>

			<p>nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân và học tập suốt đời; sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.</p>	
33	132023	Biên dịch 3 (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các kỹ năng dịch thuật nâng cao. Các bài dịch sẽ được nâng cao về độ khó, đa dạng về văn phong, thể loại với nhiều loại văn bản khác nhau như thư tín thương mại,, hợp đồng kinh tế, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Áp dụng thành thạo lý thuyết và các phương pháp dịch thuật nhằm thực hiện hiệu quả việc dịch các văn bản thuộc nhiều chủ đề khác nhau.</li> <li>- CLO2: Nắm vững và tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện công tác biên dịch và các công việc chuyên môn khác.</li> <li>- CLO3: Phân tích, đánh giá được các văn bản dịch theo tiêu chí được học.</li> <li>- CLO4: Phát triển kỹ năng tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. The Windy- Nguyễn Thu Huyền . Cẩm nang luyện dịch Việt - Anh. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Tập thể : Hướng dẫn đọc và dịch báo chí Anh – Việt. NXB: Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
34	132021	Phiên dịch 1 (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung về phương thức nhận diện các cấu trúc câu, các cách dùng từ, chức năng ngôn ngữ, thể loại văn bản... trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đồng thời cũng cung cấp thêm lý thuyết về các loại hình phiên dịch, kỹ thuật trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm phiên dịch</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Quốc Hùng (2007), Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh. Nhà xuất bản : Văn hóa Sài Gòn</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p>

			<p>theo các chủ đề của đời sống xã hội cụ thể như: môi trường, văn hóa, giáo dục, công nghệ, mỹ thuật...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Nắm được các kỹ năng và phương pháp cơ bản trong phiên dịch, áp dụng trong phần thực hành dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.</li> <li>- CLO2: Nắm vững vốn từ vựng về các chủ đề đất nước con người, dân số, giáo dục</li> <li>- CLO3: Dịch xuôi ở cấp độ câu và đoạn văn ngắn khoảng 80 từ trở xuống về các chủ đề đất nước con người, dân số, giáo dục</li> <li>- CLO4: Mô tả chính xác ngôn phong phù hợp trong các ngữ cảnh tương ứng</li> <li>- CLO5: Trình bày ngắn gọn rõ ràng các vấn đề bằng tiếng Anh và Việt</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Đức Châu (2004) Phương pháp mới Phiên dịch, Biên dịch Anh - Việt, Việt - Anh (Cuốn 1)- NXB Trẻ</li> <li>2. Gile, D (2009), Basic concepts and models for interpreter and translator training. NXB: John Benjamins</li> </ol>
35	132031	Phiên dịch 2 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần là sự kế thừa và mở rộng các nội dung lý thuyết của Phiên dịch 1 bao gồm các nội dung về kỹ năng ghi chép ở mức độ chuyên nghiệp của dịch xuôi (consecutive) Anh – Việt và Việt – Anh, kỹ năng dịch và diễn giải, kỹ năng thuyết trình và nói trước đám đông trong các tình huống dịch thực tế thông qua một số chủ đề về kinh tế, y tế, giao thông v.v... Sinh viên cũng thực hành theo nhóm các hội nghị mô phỏng, phỏng vấn, bài giảng, v.v.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Liệt kê vốn thuật ngữ về các lĩnh vực chuyên ngành kinh tế, y tế, giao thông để phục vụ cho công tác phiên dịch</li> <li>- CLO2: Dịch xuôi ở cấp độ câu và đoạn văn ngắn khoảng 80-100</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Robin Setton; Andrew Dawrant (2016), Conference interpreting: A complete course, NXB: John Benjamins Pub. Co.,</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Andrew Gillies (2013), Conference interpreting: a students' Practice Book, NXB: Routledge</li> </ol>

			<p>từ về các chủ đề đất nước kinh tế, y tế, giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO3: Đạt được kỹ năng ghi nhớ thông tin, kỹ năng tốc ký.</li> <li>- CLO4: Dịch chuyển đổi ý chính xác từ Anh sang Việt phù hợp với văn phong người Việt và từ Việt sang Anh theo văn phong tiếng Anh</li> <li>- CLO5: Trình bày ngắn gọn rõ ràng các vấn đề bằng tiếng Anh và Việt</li> </ul>	
36	132033	Phiên dịch 3 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung về ứng dụng các kiến thức, kỹ năng dịch nâng cao nhằm hoàn thiện khả năng dịch đuôi thông qua việc thực hành đa dạng các chủ đề: di dân, WTO, chính trị, vv. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu và đi sâu vào chuyên đề dịch song song (Simultaneous) thông qua những nội dung gắn gũi với cuộc sống kết hợp với một số nội dung về kinh tế, xã hội, v.v.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Liệt kê vốn thuật ngữ về các lĩnh vực chuyên ngành xã hội, chính trị, văn hóa, thể thao để phục vụ cho công tác phiên dịch</li> <li>- CLO2: Dịch đuôi ở cấp độ câu và đoạn văn ngắn khoảng trên 100 từ về các chủ đề xã hội, chính trị, văn hóa, thể thao</li> <li>- CLO3: Đạt được trình độ kỹ năng nghiệp vụ tốt trong phiên dịch như: kỹ năng ghi nhớ thông tin, kỹ năng tốc ký.</li> <li>- CLO4: Dịch chuyển đổi ý chính xác từ Anh sang Việt phù hợp với văn phong người Việt và từ Việt sang Anh theo văn phong tiếng Anh</li> <li>- CLO5: Trình bày ngắn gọn, thuyết phục, rõ ràng các vấn đề bằng tiếng Anh và Việt</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Thành Yên. (2003). <i>Thực hành phiên dịch Anh – Việt, Việt Anh</i>. NXB Thành phố Hồ Chí Minh</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mikkelson, H., &amp; Jourdenais (2015). <i>The Routledge Handbook of Interpreting</i>. NXB: Routledge</li> <li>2. Andrews Gillies (2013). <i>Conference Interpreting: A students’ Practice Book</i>. NXB: Routledge.</li> </ol>

### III. Kiến thức bổ trợ

37	131085	Văn hoá Anh - Mỹ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần bao gồm các bài tập ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Trình bày kiến thức cơ bản về văn học Anh Mỹ thế kỷ 19,20</li> <li>- CLO2: Viết bài phân tích nhân vật, cảm nhận về tác phẩm về mặt ý nghĩa, nghệ thuật, thông điệp và ngôn từ</li> <li>- CLO3: Dịch các tác phẩm văn học trong chương trình từ tiếng Anh sang tiếng Việt một cách phù hợp, chính xác</li> <li>- CLO4: So sánh, đánh giá, phê bình các bài viết cảm nhận về nhân vật và tác phẩm văn học</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Paul Norbury (2015) ,Culture smart! Britain- NXB Culture smart</li> <li>2. GARY ALTHEN (2003), American ways. NXB Longman</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Broukal Milada. (1993). <i>Introducing the USA: A cultural reader.</i> Longman</li> </ol>
38	132058	Văn học Anh - Mỹ (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác giả tiêu biểu của văn học Anh, văn học Mỹ thế kỷ 19, 20; Giới thiệu các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn; Giới thiệu cho sinh viên làm quen với phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ và hiểu được giá trị hiện thực của các tác phẩm; Giới thiệu một số tác phẩm/ đoạn trích tiêu biểu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Trình bày kiến thức cơ bản về văn học Anh Mỹ thế kỷ 19,20</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. KATE FLINT (2012), the cambridge history of VICTORIAN LITERATURE- NXB Cambridge University Press</li> </ol> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Digvijay Pandya, - History of English literature- NXB Lovely Professional University</li> </ol>



			<p>- CLO2: Viết bài phân tích nhân vật, cảm nhận về tác phẩm về mặt ý nghĩa, nghệ thuật, thông điệp và ngôn từ</p> <p>- CLO3: Dịch các tác phẩm văn học trong chương trình từ tiếng Anh sang tiếng Việt một cách phù hợp, chính xác</p> <p>- CLO4: So sánh, đánh giá, phê bình các bài viết cảm nhận về nhân vật và tác phẩm văn học</p>	
39	132081	<p>Tiếng Anh du lịch (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các chủ đề bài học có liên quan tới lĩnh vực du lịch và khách sạn; bao quát toàn bộ các khái niệm về chuyên ngành du lịch, khách sạn, lễ hành. Các từ vựng, các chủ đề phù hợp để phát triển 4 kỹ năng giao tiếp trong ngành quản lý du lịch, khách sạn và lễ hành. Các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Bài học miêu tả các hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns).</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Học xong học phần này, người học nắm được một lượng từ vựng dùng trong giao tiếp đơn giản hàng ngày ở môi trường sống, làm việc và có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh trong công việc liên quan tới lĩnh vực quản lý du lịch, khách sạn, lễ hành: giao tiếp tốt với khách hàng trong môi trường thật, các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn nhận biết một số hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), nhưng không hoàn toàn hiểu được chính xác hàm ý của nó, nhận biết được những kiến thức về mẫu văn hoá</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Robin Walker, Keith Harding (2006), <i>Oxford English for careers: Tourism1: Student's book</i>. Oxford</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Trish Stott &amp; Angela Buckingham (2009), <i>At your Service</i>. NXB Oxford University Press</p> <p>2. Michael Duckworth (2000), <i>High Season</i>, NXB Oxford University Press</p> <p>3. <i>English for International Tourism Textbook and Workbook</i>. NXB Longman, Năm XB 2007.</p>

			<p>(culture patterns )</p> <p>- CLO2: Giao tiếp được bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt được những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh.</p> <p>Thể hiện được những thông tin trong một văn bản bằng tiếng Anh. Diễn đạt trôi chảy đạt ngôn ngữ ở mức độ tự nhiên và linh hoạt. Đọc hiểu được những văn bản và ký hiệu, những bài viết về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt hàng ngày, những từ ngữ chuyên ngành.</p> <p>- CLO3: Diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác. Có khả năng phối hợp, làm việc theo nhóm và tự làm việc theo kế hoạch..</p> <p>- CLO4: Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như bài tập về nhà và bài tập nhóm, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá</p>	
40	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	132067	Kỹ năng thuyết trình (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Kỹ năng thuyết trình gồm những kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết trình. Ngoài ra học phần còn gồm những nội dung cơ bản như những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, các kỹ năng của</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Mark Powell. (2003). <i>Presenting in English</i>. Cambridge University Press</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Petey Young, (2006), <i>Writing and Presenting in English</i>. The Rosetta Stone of Science- NXB Elsevier Science</p>

			<p>thuyết trình viên khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ của cơ thể trong khi thuyết trình.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Áp dụng được lý thuyết và phương pháp về các bước cơ bản để có được một bài trình bày hiệu quả như: cách sử dụng các từ ngữ thuật ngữ để dẫn dắt vấn đề, sử dụng âm điệu của giọng nói, âm nhấn, ngữ điệu, việc nhấn mạnh và lặp lại vấn đề hoặc thông tin</li> <li>- CLO2: Người học được bổ sung vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại.</li> <li>- CLO3: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.</li> </ul>	
b	132027	Phong cách học (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các vấn đề về lịch sử môn phong cách học, hệ thống biện pháp tu từ tiếng Anh, phong cách chức năng tiếng Anh v.v... Phong cách học chiếm vị trí chủ chốt trong việc nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức về ngôn ngữ mà sinh viên viên đã tích lũy được từ môn kỹ năng tiếng Anh như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Sinh viên nắm được những kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Việt đồng thời sử dụng tốt kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, tinh tế, phân tích giá trị nghệ thuật</li> </ul>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Laura Wright and Jonathan Hope (1996), Stylistics a practical coursebook- NXB Routledge</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Murray Knowles and Rosamund Moon (2006), Introducing metaphor- NXB Routledge</p>

			<p>của những cấu trúc ngôn từ.</p> <p>- CLO2: Sinh viên có khả năng nói và viết tiếng Anh theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách. Sinh viên có kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.</p> <p>- CLO3: Sinh viên có kỹ năng nói và viết tiếng Việt theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách.</p> <p>- CLO4: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.</p>	
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	132069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những định nghĩa, khái niệm quan trọng trong từ vựng, ngữ nghĩa học với các cấp độ ngôn ngữ như morphemes, forms, words, phrases, expressions, sentences, utterances,...; ở các cấp độ nghiên cứu như cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh như shortening, conversion, derivation, compounding, affixation, ...; cách thức kết hợp từ, nguồn gốc và lịch sử của từ tiếng Anh; nghĩa của từ với nghĩa trực tiếp, nghĩa chuyển đổi, nghĩa trong cụm từ, nghĩa ngữ pháp – từ vựng, ...; nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn, các kiểu biên soạn từ điển trong tiếng Anh và các loại từ điển tiếng Anh.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản, hệ thống về cấu</p>	<p><b>* <i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>1. Nguyễn Hoà. (2004). <i>Understanding English Semantics</i>. NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p><b>* <i>Giáo trình tham khảo:</i></b></p> <p>1. Hurford (2007), <i>Semantics: a coursebook</i>-NXB Cambridge</p> <p>2. Stuart Redman, (2013). <i>English vocabulary in use</i>. NXB Cambridge University</p>

			<p>trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh</p> <p>CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên cơ sở để phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ</p> <p>CLO3: Từng bước phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.</p>	
b	132065	Ngữ dụng học (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm khối kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Trình bày được kiến thức về vấn đề liên quan đến ngữ dụng học, nắm được các khái niệm và các phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học bằng Tiếng Anh.</li> <li>- CLO2: Hiểu và có thể thực hiện được một số công trình nghiên cứu quy mô vừa phải về các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học như chỉ xuất, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định,...</li> <li>- CLO3: Khai thác và phân tích dữ liệu, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm khi sưu tầm các tài liệu bằng cả tiếng Việt và</li> </ul>	<p><b>* <i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>1. Joan Cutting (2002), Pragmatics and Discourse - A Resource Book for Students , NXB Routledge</p> <p><b>* <i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>1. Klaus P. Schneider (2008), Variational Pragmatics- NXB John Benjamins</p> <p>2. Jacob L.Mey. (1992). Pragmatics: An Introduction. NXB Blackwell</p>

			<p>tiếng Anh, khả năng tiếp cận và bước đầu nghiên cứu, trình bày các vấn đề liên quan đến môn học bằng tiếng Anh. Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thông qua các hoạt động trong và ngoài giờ trên lớp.</p> <p>- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.</p>	
42	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	123020	Giao thoa văn hoá (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về giao tiếp giao văn hoá của người ở các nước nói tiếng Anh gồm: các thuật ngữ và nguyên tắc khi học môn học; chào hỏi, tự giới thiệu, giao tiếp bằng mắt, bắt tay, trò chuyện sau làm quen, đề tài nói chuyện sau làm quen, khoảng cách khi nói chuyện với người lạ, cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của người Việt Nam, giao tiếp không dùng lời nói bao gồm các cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Trình bày và giải thích được các quy tắc về giao tiếp của các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Úc, Canada, ... Đồng thời, có thể liên hệ so sánh với văn hóa giao tiếp văn người Việt Nam.</p> <p>- CLO2: Có ứng xử phù hợp trong các tình huống giao tiếp giao văn hóa.</p> <p>- CLO3: Có vốn từ vựng về văn hoá giao tiếp thông thường của người ở các nước nói tiếng Anh.</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Scott F. Kiesling, Christina Bratt Paulston (2005), Intercultural discourse and communication- NXB Wiley-Blackwell</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Athen, G. (1988). <i>American ways</i>. NXB : International Press Inc.</p> <p>2. Trần Ngọc Thêm (2002). <i>Cơ sở Văn hoá Việt Nam</i>. NXB Giáo Dục.</p>

			- CLO4: Có kỹ năng học tập những môn lý thuyết; kỹ năng khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập những môn lý thuyết, khai thác đủ thông tin phục vụ cho việc học tập; rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng thuyết trình vấn đề,... bằng tiếng Anh.	
b	123025	Giao tiếp liên văn hoá (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bình diện nội ngôn, cận ngôn, ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp văn hoá và nội văn hoá. Môn học chú ý đến Dụng học giao văn hoá với các với các bình diện phạm trù như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp , v.v. dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu của Hofstede, Brown &amp; Levinson, Kaplan, Clyne, Saville-Troike, Levine &amp; Adelman, Ting-Toomey và Nguyễn Quang.</p> <p><i>Năng lực đạt được</i></p> <p>- CLO1: Hiểu, ghi nhớ, phân tích được các nội dung liên quan đến văn hóa và giao tiếp liên văn hóa.</p> <p>- CLO2: Vận dụng được nội dung đã học vào giao tiếp liên văn hóa, nâng cao kỹ năng giao tiếp nội văn hoá và giao lưu văn hoá để phục vụ nhu cầu công việc và giao tiếp hàng ngày, giảm thiểu và loại trừ xung đột văn hoá và ngưng trệ giao tiếp.</p> <p>- CLO3: Có thái độ học tập tích cực, có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và linh hoạt thích nghi văn hoá giao tiếp với người nước ngoài trong môi trường đa văn hoá.</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <p>1. Larry A. Samovar, Richard E. Porter (2002), Intercultural communication: A reader- NXB Wadsworth</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Maryanne K, JoAnn C &amp; Edward N (2005). American Ways:An Introduction to American Culture., NXB :longman</p> <p>2. Hofstede, G. (2004). Cultures and organizations: Software of the mind. NXB McGraw–Hill</p>
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	132024	Ngôn ngữ	<i>Nội dung học phần:</i> Các nội dung môn học gồm: Khái quát về	<b>* Giáo trình chính</b>

		<p>học tri nhận (2 tín chỉ)</p>	<p>Ngôn ngữ học tri nhận, các khái niệm, đặc trưng, đặc điểm ngôn ngữ của các chức năng ngôn ngữ.</p> <p>Học phần sẽ giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng của người học thông qua các hoạt động như: thảo luận trong nhóm, làm bài tập lớn; trình bày trước lớp một vấn đề liên quan đến môn học.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học tri nhận</li> <li>- CLO2: Có thể giải thích các hiện tượng của ngôn ngữ học dựa trên lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận.</li> </ul>	<p>1. Lee, D. (2001). <i>Cognitive Linguistics – An Introduction</i>. NXB OUP</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Dirk, G; Hubert, C. (2007). <i>The Oxford Handbook of Cognitive Linguistics</i>. Oxford University Press</p>
b	132063	<p>Phân tích diễn ngôn (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học về các vấn đề cơ bản trong phân tích diễn ngôn tiếng Anh như: khái niệm về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn (sơ lược), ngôn cảnh và vai trò của ngôn cảnh trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt là diễn ngôn nói; liên kết và mạch lạc và mối liên hệ của chúng; tiền giả định, hàm ý hội thoại, nguyên tắc hợp tác hội thoại của Grice; các thành tố của hành động ngôn từ trong lời nói hàng ngày; chủ đề và khung chủ đề của diễn ngôn, cấu trúc thông tin đã biết và thông tin mới, cấu trúc đề/thuyết (sơ lược); các cách sơ đồ hoá một diễn ngôn; vai trò của lý thuyết nền trong việc diễn giải một diễn ngôn; các đường hướng phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu tiếng Anh với vai trò là một ngoại ngữ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: Hiểu được các kiến thức về phân tích ngôn bản tiếng Anh, hiểu rõ các khái niệm của ngôn ngữ giao tiếp như: ngữ cảnh, liên kết, mạch lạc, tiền giả định, hàm ngôn, chủ đề và khung chủ đề,</p>	<p><b>* Giáo trình chính</b></p> <p>1. James Paul Gee (1999), <i>An Introduction to discourse analysis</i>- NXB Routledge</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Paul Baker, Sibonile Ellece (2011), <i>Key Terms in Discourse Analysis</i>- NXB Continuum International Publishing Group</p> <p>2. James Paul Gee (2011), <i>How to do Discourse Analysis</i>- NXB Routledge</p> <p>3. James Paul Gee (2017), <i>Introducing Discourse Analysis: From Grammar to Society</i>- NXB Routledge</p>



			<p>các đường hướng phân tích diễn ngôn đối với người học ngoại ngữ.</p> <p>CLO2: Vận dụng kiến thức để phân biệt giữa diễn ngôn và văn bản, ứng dụng được liên kết và mạch lạc trong diễn ngôn tiếng Anh, xem xét các yếu tố của diễn ngôn như: hành động ngôn từ, ngữ cảnh, hàm ngôn, tiền giả định, ngữ pháp cốt truyện, chủ đề và khung chủ đề vv....</p> <p>CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.</p> <p>CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực sử dụng công nghệ trong dịch thuật tiếng Anh và tiếng Việt; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.</p>	
--	--	--	---	--

**IV. Thực tập TN, KLTN/HP thay thế**

44	Chọn 1 trong 2			
----	----------------	--	--	--

a	132010	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Quá trình thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp; củng cố nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào.</p> <p><i>* Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Ghi nhớ, lựa chọn ngôn ngữ đã học trong các tình huống giao tiếp và trong các văn bản cụ thể trong môi trường làm việc;</li> <li>- CLO2: Nhận định, phân biệt và khái quát hoá các nội dung ngôn ngữ đã học vào giảng dạy; phiên dịch, biên dịch hoặc các công</li> </ul>	
---	--------	---------------------------------	--	--

			<p>việc văn phòng một cách linh hoạt, hiệu quả;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO3: Áp dụng khả năng nghe, nói, đọc, viết tốt, hiểu nội dung trong môi trường đa văn hoá thông qua các văn bản hoặc thoả thuận cụ thể;</li> <li>- CLO4: Xây dựng kỹ năng và ý thức làm việc cá nhân và nhóm khi đàm phán, thoả thuận các nội dung bằng tiếng Anh về một số lĩnh vực cụ thể;</li> <li>- CLO5: Đánh giá được tầm quan trọng của việc áp dụng nội dung chương trình học và tổng hợp kiến thức vào thực tế một cách sáng tạo, linh hoạt;</li> <li>- CLO6: Xây dựng tinh thần trách nhiệm, tự chủ, phát huy năng lực làm việc, nghiêm túc thực hiện theo các quy định về chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng hạn;</li> </ul>	
b	132083	Chuyên đề hướng nghiệp 1 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các kỹ năng dịch thuật nâng cao. Các bài dịch được nâng cao về độ khó, đa dạng về văn phong, thể loại với nhiều loại văn bản khác nhau như thư tín thương mại, hợp đồng kinh tế, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí. Học phần cũng cung cấp cho người học những quy tắc đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác biên dịch và kỹ năng xử lý các tình huống thực tế trong dịch thuật.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: Áp dụng được lý thuyết và phương pháp về dịch thuật nhằm thực hiện có hiệu quả việc dịch các văn bản.</p> <p>CLO2: Nắm được các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp để biên dịch các loại diễn ngôn Anh – Việt, Việt – Anh và thực hiện các</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Đức Tín. <i>Hướng dẫn biên soạn và dịch thuật 100 mẫu hợp đồng kinh tế Việt - Anh</i>. Nhà xuất bản Thanh niên.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Nguyễn Thanh Chương, Trương Trác Bạt (2018). <i>Phương pháp dịch Anh - Việt</i>. Nhà xuất bản Đồng Nai.</p>

		<p>công việc chuyên môn khác.</p> <p>CLO3: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.</p>	
132084	Chuyên đề hướng nghiệp 2 (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Sinh viên học tập và thực hành các kỹ năng của phiên dịch hội thảo, hội họp, luyện dịch các bài phát biểu về cùng một chủ đề ở cả tiếng Anh và tiếng Việt. Đây là các bài phát biểu lấy nguồn từ các hội thảo thực tế đã diễn ra, cho phép sử dụng tài liệu và thông tin vào mục đích giáo dục, đào tạo.</p> <p>Sau khi kết thúc môn học này, sinh viên có thể làm phiên dịch ứng đoạn trong những tình huống phức tạp hơn và bước đầu có thể làm phiên dịch đồng thời theo chiều dịch Việt – Anh trong những tình huống đơn giản và trong điều kiện diễn giả nói không quá nhanh. Cụ thể, sinh viên có thể làm phiên dịch cho các cuộc đàm thoại, các bài phát biểu về những nội dung chuyên môn (nhưng không quá chuyên biệt) trong một số lĩnh vực đặc thù (khoa học, kỹ thuật, y tế) với khối lượng thuật ngữ chuyên ngành vừa phải, không quá chuyên sâu và phức tạp. Sinh viên có thể làm phiên dịch trong các tình huống đòi hỏi phải có kiến thức sâu về ngôn ngữ ở cả tiếng Anh và tiếng Việt, truyền tải được nội dung của thông điệp với mức độ chính xác hơn và dễ hiểu đối với người nghe ở ngôn ngữ đích. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phiên dịch đồng thời theo chiều dịch Việt – Anh về các chủ đề thông thường như đã nói ở trên, trong điều kiện tốc độ nói của diễn giả khoảng 120-150 từ/phút.</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Andrew Gillies (2019). <i>Consecutive interpreting: a short course</i>. Routledge</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Katarzyna Stachowiak-Szymczak (2019). <i>Eye movements and gestures in simultaneous and consecutive interpreting</i>. Springer</p> <p>2. Andrew Gillies (2017). <i>Note-taking for Consecutive interpreting: a short course</i>. Routledge</p>

			<p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO: Có kiến thức về các chủ đề dịch chuyên ngành như khoa học, kỹ thuật, y tế.</p> <p>CLO2: Ứng dụng được các kỹ năng cơ bản trong Phiên dịch nói đoạn ở mức độ nâng cao, gồm: Trình bày lưu loát, tự tin và mạch lạc một bài phát biểu trong vòng 5-10 phút; Tổng hợp ý tốt với những bài phát biểu phức tạp cả về chuyên ngành và ngôn ngữ với độ dài khoảng 2-5 phút.</p> <p>CLO3: Ứng dụng được các kỹ năng cơ bản trong Phiên dịch song song ở mức độ nhập môn, gồm: Xử lý và hiểu thông điệp ở tiếng Việt, hầu như theo thời gian thực, với độ trễ 0,5-1 giây; dịch đồng thời từ tiếng Việt sang tiếng Anh trong khoảng 3-4 phút.</p> <p>CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực sử dụng công nghệ trong dịch thuật tiếng Anh và tiếng Việt; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.</p>	
45	132068	Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về một vấn đề chuyên sâu của chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và trình bày dưới dạng một báo cáo khoa học bằng tiếng Anh, đồng thời bảo vệ vấn đề nghiên cứu trước hội đồng chấm khoá luận của ngành.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Vận dụng được các kiến thức về NCKH chuyên ngành tiếng Anh vào việc tìm hiểu đề tài, lập đề cương nghiên cứu, trình bày vấn đề đúng chuẩn cấu trúc của một khoá luận tốt nghiệp, biết các bước thực hiện và cách đánh giá một khoá luận tốt nghiệp</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Nguyen Thi Thuy Minh, Pham Minh Tam &amp; Luong Quynh Trang. <i>Research Methodology</i>. Trường Đại học Ngoại Ngữ-Đại học Quốc Gia Hà Nội</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức  <a href="http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/">http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</a></p>

			<p>chuyên ngành tiếng Anh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO2: Biết lựa chọn phương pháp thích hợp để thực hiện đề tài nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp, biết cách tổ chức thực hiện nghiên cứu một khóa luận tốt nghiệp.</li> <li>- CLO3: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để trình bày nội dung khóa luận một cách chính xác, khoa học, cũng như thực hiện việc báo cáo kết quả của đề tài trước hội đồng chấm khóa luận chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.</li> <li>- CLO4: Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.</li> </ul>	
46	<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp (Chọn 2 trong 5 học phần)</i>			
a	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung về: Các khái niệm liên quan đến ngôn ngữ học đối chiếu: khái niệm về so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ, các phương pháp và tiêu chí so sánh đối chiếu ngôn ngữ, các thao tác và thành tố sử dụng ngôn ngữ trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CLO1: Trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản về phân tích đối chiếu ngôn ngữ, các nguyên tắc so sánh đối chiếu, tiến trình so sánh đối chiếu, đối tượng cụ thể của so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</li> <li>- CLO2: Xây dựng được đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</li> <li>- CLO3: Thực hiện được các nghiên cứu về so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</li> <li>- CLO4: Có vốn từ vựng về so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</li> </ul>	<p><b>* <i>Giáo trình chính:</i></b></p> <p>1. Willems, Defrancq, Coleman and Noel (2003), <i>Contrastive analysis in Language</i>, MacMillan, Palgrave</p> <p><b>* <i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>1. Andrew, Chesterman (1998), <i>Contrastive functional analysis</i>-NXB John Benjamins.</p>

			- CLO5: Có năng lực tự học tập và nghiên cứu.	
b	132008	Công nghệ trong dịch thuật (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Môn học giới thiệu một số khái niệm cơ bản trong Công nghệ trong dịch thuật và một số phần mềm đang được áp dụng phổ biến hiện nay như OmegaT, Wordfast. Trọng tâm của khóa học là ứng dụng một số phần mềm hỗ trợ việc dịch thuật và khai thác mạng Internet trong dịch thuật tiếng Anh và tiếng Việt. Môn học cung cấp cho người học cách tiếp cận công nghệ thông tin trong việc dịch Anh – Việt, Việt Anh, đồng thời hướng dẫn người học sử dụng công nghệ một cách hiệu quả nhất trong công việc dịch thuật.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: Vận dụng được kiến thức về các phần mềm machine translation trên máy tính và app điện thoại để hỗ trợ dịch thuật tiếng Anh và tiếng Việt. Sử dụng thành thạo keyboard để soạn thảo văn bản.</p> <p>CLO2: Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng về các phần mềm OmegaT và Wordfast để dịch văn bản</p> <p>CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.</p> <p>CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực sử dụng công nghệ trong dịch thuật tiếng Anh và tiếng Việt; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Austernmuhl, Frank. (2001). <i>Electronic tool for translator</i>. Routledge.</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. C. K. Quah (auth.) (2006), Translation and Technology- NXB Palgrave Macmillan UK.</p> <p>2. María Luisa Carrió-Pastor (2016), Technology Implementation in Second Language Teaching and Translation Studies: New Tools, New Approaches- NXB Springer Singapore</p>

c	132028	Ngôn ngữ học xã hội (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Sociolinguistics). Ngoài ra, nói đến Ngôn ngữ học Xã hội học là nói đến sự thay đổi của ngôn ngữ trong từng xã hội và những khác biệt nào trong xã hội tạo nên các ngôn ngữ không giống nhau. Quan trọng hơn nữa là ngôn ngữ được sử dụng như thế nào trong xã hội. Sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm nhau: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Bên cạnh đó, sinh viên nắm được nét văn hóa trong giao tiếp của một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội; trước tiên phải kể đến tiếng Anh chuẩn, sau đó là tiếng lóng, biệt ngữ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về Ngôn ngữ Xã hội học.</p> <p>CLO2: Vận dụng ngôn ngữ vào xã hội một cách thích hợp ở mức độ cơ bản nhất.</p> <p>CLO3: Hình thành thái độ tự giác thay đổi ngôn ngữ sao cho phù hợp với xã hội nơi mà người học đang giao tiếp, nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập.</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Janet Holmes (2013). <i>An introduction to Sociolinguistics</i> – NXB Routledge</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Rajend Mesthrie &amp; Rakesh M. Bhatt (2006), <i>World Englishes: The study of new English varieties</i>. NXB Cambridge</p>
d	132037	Văn hoá doanh nghiệp (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Văn hoá doanh nghiệp (Cross-cultural business communication) bao gồm các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, văn hoá công sở, doanh nghiệp của Việt Nam và của các doanh nghiệp nói tiếng Anh. Ngoài ra, học phần còn giúp người học phân biệt đặc trưng trong giao tiếp của các nền văn hoá, các cách thức giao tiếp của những người thuộc các nền văn hoá khác nhau. Bên cạnh đó, học phần cung cấp thêm các nội dung nhằm đưa ra những gợi ý để giải quyết một số vấn đề thường gặp khi sống và làm việc trong một môi trường đa văn hoá như sốc văn</p>	<p><b>* Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Simon Sweeny, English for business communication. NXB CUP</p> <p><b>* Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Trần Nhoãn, Văn hóa doanh nghiệp-NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p>

			<p>hoá, rào cản về ngôn ngữ và những hạn chế trong hiểu biết về ngôn ngữ cử chỉ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> - CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản, hệ thống về văn hoá, liên văn hoá, văn hoá công sở, doanh nghiệp của Việt Nam và của các doanh nghiệp nói tiếng Anh, những ảnh hưởng của sự khác biệt văn hoá lên giao tiếp và biết cách tránh những lỗi sai khi giao tiếp.</p> <p>- CLO2: Người học nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các cách thức giải quyết vấn đề khi giao tiếp với các cá nhân đến từ quốc gia hoặc nền văn hoá khác.</p> <p>- LCO3: Người học thực hiện được kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hoá. Người học có kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng đàm phán khi tham gia tranh luận trong môi trường đa văn hoá.</p>	
e	233055	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong lĩnh vực SLA, khái quát quy trình tiếp thụ ngôn ngữ: sự giống và khác nhau trong quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học quá trình tiếp thụ ngôn ngữ nhìn từ góc độ ngôn ngữ học, tâm lý học và xã hội học, và lượng kiến thức ngôn ngữ thứ hai cần đạt được để thực hiện các chức năng giao tiếp xã hội và trong học thuật.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- CLO1: Trình bày, giải thích và sử dụng được các thuật ngữ và khái niệm cơ bản trong nghiên cứu về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, về cơ sở lý luận của việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, về thực tiễn</p>	<p><b>* <i>Giáo trình chính</i></b></p> <p>1. Ellis, R. (1997). <i>Second Language Acquisition</i>. Oxford University Press</p> <p><b>* <i>Tài liệu tham khảo:</i></b></p> <p>1. Lightbown, Patsy M. &amp; Spada, Nina (1999), <i>How Languages are Learned</i> NXB : Oxford University Press.</p> <p>2. Murial Saville-Troike (2006), <i>Introducing second language acquisition</i>. NXB CUP</p>

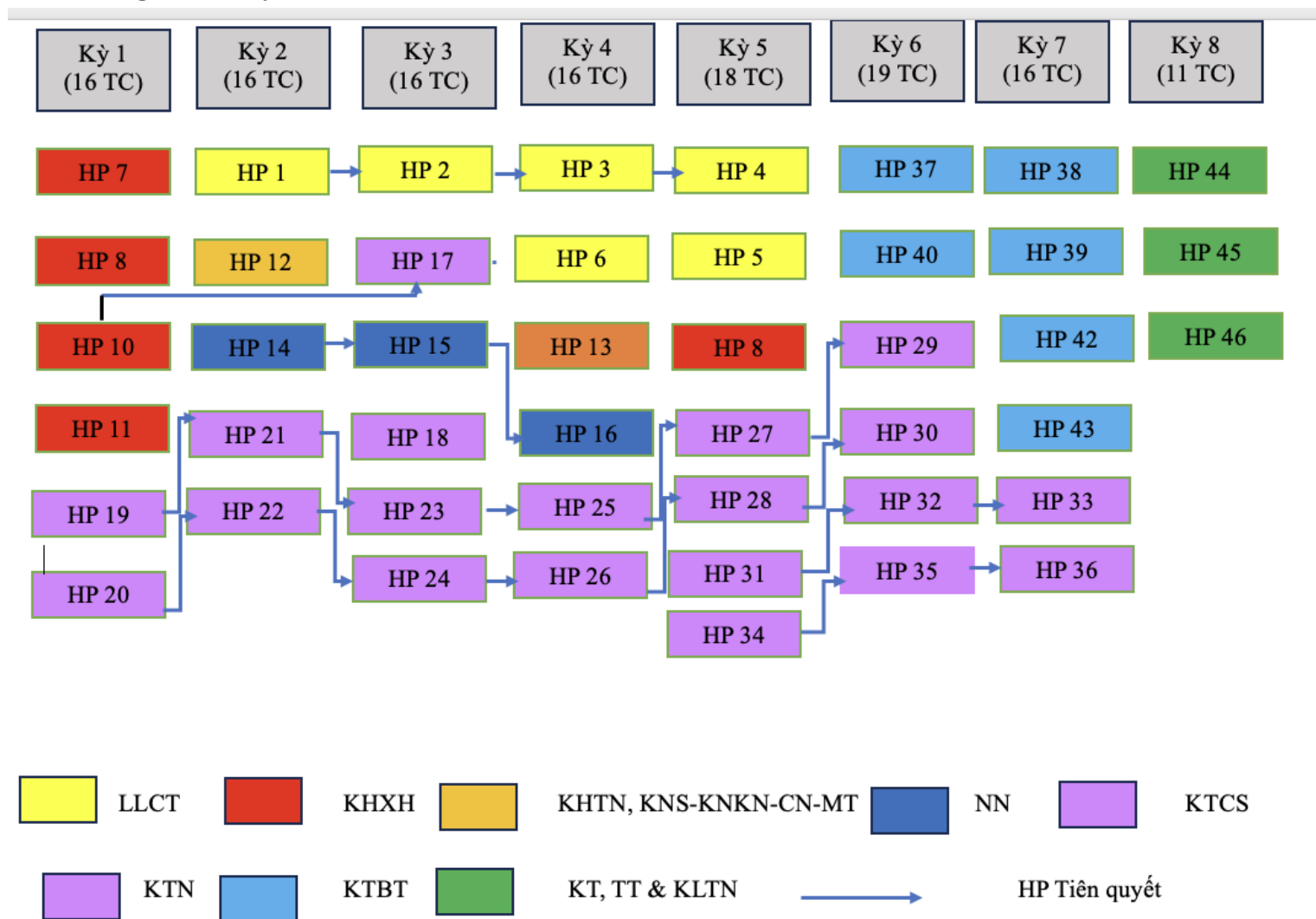


		<p> nghiên cứu trong lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (SLA).</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- CLO2: Xác định được vấn đề và xây dựng được đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.</li><li>- CLO3: Có vốn từ vựng chuyên ngành về lĩnh vực tiếp thụ và giảng dạy ngôn ngữ nói riêng và tiếng Anh nói chung.</li><li>- CLO4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.</li><li>- CLO5: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và những kỹ năng mềm khác.</li></ul>	
--	--	--	--

### 3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)</li> <li>- Môi trường và con người (2TC)</li> <li>- Ngữ pháp (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 1 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 1 (3TC)</li> <li>- Ngữ âm – Âm vị học (3 TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triết học Mác-Lênin (3TC)</li> <li>- Công nghệ số (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 2 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 2 (3TC)</li> <li>* <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Ngoại ngữ II – Tiếng Pháp 1 (4 TC)</li> <li>Ngoại ngữ II – Tiếng Trung Quốc 1 (4TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2TC)</li> <li>- Lý thuyết dịch (2TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 3 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 3 (3TC)</li> <li>- Ngữ pháp thực hành (3TC)</li> <li>* <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Ngoại ngữ II – Tiếng Pháp 2 (3 TC)</li> <li>- Ngoại ngữ II – Tiếng Trung Quốc 2 (3TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Pháp luật đại cương (2TC)</li> <li>- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)</li> <li>- PPNCKH chuyên ngành TA (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 4 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 4 (3TC)</li> <li>* <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Ngoại ngữ II-3: Tiếng Pháp 3 (3TC)</li> <li>- Ngoại ngữ II-3: Tiếng Trung Quốc 3 (3TC)</li> </ul>
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)</li> <li>- Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)</li> <li>- Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (3TC)</li> <li>- Biên dịch 1 (3TC)</li> <li>- Phiên dịch 1 (2TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 5 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 5 (3TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên dịch 2 (3TC)</li> <li>- Phiên dịch 2 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 6 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 6 (3TC)</li> <li>- Văn hóa Anh – Mỹ (2TC)</li> <li>* <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Từ vựng – Ngữ nghĩa (2TC)</li> <li>- Ngữ dụng học (2TC)</li> <li>* <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Kỹ năng thuyết trình (3TC)</li> <li>- Phong cách học (3TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên dịch 3 (2TC)</li> <li>- Phiên dịch 3 (3TC)</li> <li>- Văn học Anh – Mỹ (3TC)</li> <li>- Tiếng Anh du lịch (3TC)</li> <li>*<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Giao thoa văn hoá (3TC)</li> <li>- Giao tiếp liên văn hoá (3TC)</li> <li>* <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Ngôn ngữ học tri nhận (2TC)</li> <li>- Phân tích diễn ngôn (2TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoá luận tốt nghiệp (6TC)</li> <li>* <i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i></li> <li>- Thực tập tốt nghiệp (5TC) hoặc</li> <li>- Chuyên đề hướng nghiệp 1 (3TC)</li> <li>- Chuyên đề hướng nghiệp 2 (2TC)</li> <li>* <i>Học phần thay thế khoá luận (chọn 2 trong 5 học phần):</i></li> <li>- Ngôn ngữ học đối chiếu (3TC)</li> <li>- Công nghệ trong dịch thuật (3TC)</li> <li>- Ngôn ngữ học xã hội (3TC)</li> <li>- Văn hoá doanh nghiệp (3TC)</li> <li>- Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3TC)</li> </ul>

#### 4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học:



**5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra**

Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Triết học Mác-Lênin	√								
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	√								
Chủ nghĩa xã hội khoa học	√								
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	√								
Tư tưởng Hồ Chí Minh	√								
Pháp luật đại cương	√								
Cơ sở văn hóa Việt Nam	√								
Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		√							
Môi trường và con người		√							
Ngữ pháp			√			√			
Ngữ âm – Âm vị học			√			√			
Công nghệ số		√							
PPNCKH chuyên ngành tiếng Anh		√							√
Ngoại ngữ 2									
Ngữ pháp thực hành			√			√			
Ngữ âm – Âm vị học			√			√			
Lý thuyết dịch				√			√	√	
Kỹ năng Nghe Nói 1					√				
Kỹ năng Đọc Viết 1					√				
Kỹ năng Nghe Nói 2					√				
Kỹ năng Đọc Viết 2					√				

Kỹ năng Nghe Nói 3					√				
Kỹ năng Đọc Viết 3					√				
Kỹ năng Nghe Nói 4					√				
Kỹ năng Đọc Viết 4					√				
Kỹ năng Nghe Nói 5					√				
Kỹ năng Đọc Viết 5					√				
Kỹ năng Nghe Nói 6					√				
Kỹ năng Đọc Viết 6					√				
Biên dịch 1				√			√	√	
Biên dịch 2				√			√	√	
Biên dịch 3				√			√	√	
Phiên dịch 1				√			√	√	
Phiên dịch 2				√			√	√	
Phiên dịch 3							√	√	
Văn hoá Anh – Mỹ			√			√			
Văn học Anh – Mỹ			√			√			
Tiếng Anh du lịch			√			√			
Kỹ năng thuyết trình			√			√			
Phong cách học			√			√			
Từ vựng – Ngữ nghĩa học			√			√			
Ngữ dụng học			√			√			
Giao thoa văn hoá			√			√			
Giao tiếp liên văn hoá			√			√			
Ngôn ngữ học tri nhận			√			√			

Phân tích diễn ngôn			√			√			
Thực tập tốt nghiệp				√			√	√	√
Chuyên đề hướng nghiệp 1				√			√	√	
Chuyên đề hướng nghiệp 2				√			√	√	
Khoá luận tốt nghiệp		√							√
Ngôn ngữ học đối chiếu			√			√			√
Công nghệ trong dịch thuật			√			√			√
Ngôn ngữ học xã hội			√			√			√
Văn hoá doanh nghiệp			√			√			√
Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai			√			√			√

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 9 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG   
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
  
PGS.TS. Đậu Bá Thìn

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Quyết